

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	3
A. SỰ CẦN THIẾT LẬP BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	3
B. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.....	4
C. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN	5
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	6
1.1. Đặc điểm tự nhiên	6
1.2. Các nguồn tài nguyên.....	8
1.3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	12
1.4. Về đất đai	12
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023.....	13
2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	13
2.2. Đánh giá những tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023	13
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	14
III. BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	15
3.1. Phương hướng nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023.....	15
3.1.1. Mục tiêu tổng quát năm 2023.....	15
3.1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu	15
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	17
3.2.1. Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh.....	17
3.2.2. Bổ sung dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	18
3.2.3. Công trình, dự án thu hồi đất theo Điều 65 Luật đất đai	18
3.2.4. Các công trình, dự án chuyên mục đích.....	18
3.2.5. Các khu vực sử dụng đất khác	19
3.2.6. Bổ sung nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân năm 2023 (lần 2).....	19
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	20

3.3.1. Đất nông nghiệp	22
3.3.2. Đất phi nông nghiệp	22
3.4. Điều chỉnh diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	24
3.4.1. Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất hiện trạng	24
3.4.2. Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất trong hồ sơ địa chính	25
3.4.3. Bổ sung Dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng chuyển sang mục đích khác năm 2023	26
3.5. Điều chỉnh diện tích đất cần thu hồi đất trong năm 2023	27
3.6. Danh mục các công trình, dự án bổ sung phải thu hồi đất trong năm 2023	28
3.6.1. Các công trình dự án sử dụng vào các mục đích theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi trong năm kế hoạch	28
3.6.2. Các công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách Nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.	28
3.6.3. Các công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 65 của Luật Đất đai năm 2013	29
3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong bổ sung kế hoạch sử dụng đất	29
IV. BỔ SUNG GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	30
4.1. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện bổ sung kế hoạch sử dụng đất	30
4.2. Giải pháp về khoa học, công nghệ	32
4.3. Giải pháp về chính sách hỗ trợ	32
4.4. Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án	33
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	34
I. KẾT LUẬN	34
II. KIẾN NGHỊ	34

ĐẶT VẤN ĐỀ

A. SỰ CẦN THIẾT LẬP BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

Tại Khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2013, quy định: “*Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm*”; đồng thời tại khoản 1 Điều 52 quy định: căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện các quy định trên, UBND huyện Vĩnh Cửu đã tiến hành lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện và đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 30/12/2022. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện được lập trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Vĩnh Cửu đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5368/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai, phù hợp với nguyên tắc lập kế hoạch sử dụng đất tại khoản 2, Điều 35 của Luật đất đai 2013. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt, có phát sinh một số nhu cầu sử dụng đất mang tính quan trọng, cấp bách, cần phải được thực hiện ngay trong năm 2023 nên UBND huyện Vĩnh Cửu đã phối hợp với các Sở, ngành liên quan lập thủ tục bổ sung kế hoạch sử dụng đất trong năm 2023 của huyện Vĩnh Cửu, trình UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 26/5/2023.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 46 Luật Đất đai năm 2013 được sửa đổi tại Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung 37 Luật liên quan đến quy hoạch: “3. Việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất chỉ được thực hiện khi có sự điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất hoặc có sự thay đổi về khả năng thực hiện kế hoạch sử dụng đất”.

Ngày 17/5/2023, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 1110/QĐ-UBND về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 tỉnh Đồng Nai (lần 1). Trong đó, chỉ đạo: “...*giao UBND các huyện lập hồ sơ bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt*”.

Ngày 26/6/2023, UBND tỉnh Đồng Nai có Văn bản số 6314/UBND-KTN về việc tham mưu xử lý kế hoạch sử dụng đất huyện Vĩnh Cửu: UBND huyện Vĩnh Cửu kiến nghị bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vĩnh Cửu

đối với các dự án trong Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các nhu cầu sử dụng đất khác trên địa bàn huyện tại văn bản số 4375/UBND-KT ngày 19/6/2023: rà soát, tổng hợp đề xuất bổ sung các dự án quá 03 năm đã lập hồ sơ trình Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh để thẩm định nhưng đến nay vẫn chưa được phê duyệt tại Tờ trình số 209/TTr-UBND ngày 22/12/2022 và bổ sung chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh của hộ gia đình, cá nhân trên cơ sở đơn đăng ký nhu cầu từ đầu năm 2023 đến nay.

Để đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2023, từng bước hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đến năm 2025 đã đề ra, việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện là rất cần thiết.

B. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định nhu cầu sử dụng đất cần bổ sung trong năm 2023, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình bổ sung theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013;

- Đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2020 - 2025 của huyện đã đề ra; đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu.

2. Yêu cầu

- Việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp Luật Đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Các dự án, công trình bổ sung phải phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5368/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

C. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

- Quyết định số 5368/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
 - Danh mục các dự án cần thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng hàng năm trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trong đó có Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;
 - Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Vĩnh Cửu được UBND tỉnh phê duyệt và kết quả thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất qua các năm;
 - Kết quả Thống kê đất đai năm 2022; các công trình, dự án đã hoàn thành thủ tục đất đai trong năm 2022; các trường hợp đã chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân;
 - Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vĩnh Cửu;
 - Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vĩnh Cửu;
 - Các văn bản, chủ trương của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu tại Biểu 06/CH;
- Và các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Đặc điểm tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Huyện Vĩnh Cửu nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Đồng Nai. Có tọa độ địa lý nằm trong khoảng từ 10⁰55'59" đến 11⁰31'45" vĩ độ Bắc, từ 106⁰53'51" đến 107⁰13'43" kinh độ Đông; có tổng diện tích tự nhiên là 108.914,44 ha, gồm 12 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó thị trấn Vĩnh An là trung tâm hành chính của huyện. Ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Đồng Phú và huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước;
- Phía Đông giáp huyện Tân Phú và huyện Định Quán;
- Phía Nam và Đông Nam giáp thành phố Biên Hòa và huyện Trảng Bom;
- Phía Tây giáp thị xã Tân Uyên tỉnh Bình Dương.

Huyện Vĩnh Cửu là cửa ngõ phía Bắc của thành phố Biên Hòa, có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai, đặc biệt là lĩnh vực quốc phòng, bảo vệ tài nguyên nước, rừng và môi trường sinh thái. Huyện có nhiều tuyến giao thông thủy - bộ quan trọng như: Tỉnh lộ 761, Tỉnh lộ 762, Tỉnh lộ 767, Tỉnh lộ 768 kết nối với Quốc lộ 1A và Quốc lộ 20, cầu Thủ Biên kết nối đường Vành đai 4 - là tuyến đường huyết mạch để giao lưu vận chuyển hàng hóa với tỉnh Bình Dương,...; hệ thống sông Đồng Nai, hồ Trị An,... có nguồn nước phong phú, trữ lượng lớn phục vụ cho tưới tiêu nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; có nhiều cảnh quan nổi tiếng như: Hồ Trị An, khu di tích lịch sử chiến khu Đ, các khu vườn cây ăn trái ven sông Đồng Nai,... thuận lợi cho phát triển dịch vụ du lịch sinh thái - tham quan nghiên cứu.

b. Địa hình

Vĩnh Cửu nằm trong khu vực chuyển tiếp từ vùng đồng bằng của hạ lưu sông Đồng Nai lên vùng cao, huyện có 2 dạng địa hình chính gồm địa hình đồi và địa hình đồng bằng.

- Địa hình đồi: chiếm gần 80% diện tích tự nhiên, phân bố tại các xã phía Bắc huyện (Phú Lý, Mã Đà, Hiếu Liêm) và xen kẽ tại một số xã phía Nam của huyện. Cao trình cao nhất khoảng 340 mét, trung tâm huyện có cao trình khoảng 100 - 120 mét và thấp dần xuống phía Nam 10 - 20 mét. Khu vực có nền địa chất tương đối vững chắc, chủ yếu hình thành trên nền đá phiến sét, đá bazan, phù sa cổ, thuận lợi cho sản xuất nông - lâm nghiệp và xây dựng và phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật, bố trí dân cư, đô thị.

- Địa hình đồng bằng: tương đối bằng phẳng, chiếm khoảng 7% diện tích tự nhiên, phân bố ở các xã phía Tây Nam của huyện (Bình Lợi, Thạnh Phú, Tân

Bình, Thiện Tân, Bình Hòa). Với cao trình phổ biến: nơi cao 10 - 20 mét, nơi thấp từ 1 - 2 mét, nền mẫu chất chính là trầm tích trẻ Holocene không vững chắc, thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là sản xuất lúa nước, hoa màu và cây ăn quả,... do đó nền địa chất của khu vực này kém thuận lợi cho việc xây dựng các công trình.

c. Khí hậu

Khí hậu huyện Vĩnh Cửu thuộc dạng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có 2 mùa rõ rệt, với nền nhiệt cao đều quanh năm, là điều kiện đảm bảo nhiệt lượng cho cây trồng phát triển.

Các yếu tố khí tượng đều thay đổi rõ rệt theo 2 mùa như sau:

- Nhiệt độ không khí: nhiệt độ trung bình quanh năm cao, nhưng chênh lệch trung bình giữa các tháng ít. Nhiệt độ bình quân 25 - 27⁰C, chênh lệch nhiệt độ giữa tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất là 4,2⁰C. Nhiệt độ trung bình tối cao các tháng là 29 - 35⁰C, nhiệt tối thấp trung bình các tháng từ 18 - 25⁰C. Tổng tích ôn tương đối cao (9.000⁰C - 9.700⁰C) và phân bố tương đối đều theo mùa vụ thích hợp sản xuất nông nghiệp quanh năm.

- Lượng mưa tương đối lớn (2.000 - 2.800 mm), phân bố theo vùng và theo mùa, chi phối mạnh mẽ nền sản xuất nông - lâm nghiệp. Sự phân bố mưa theo không gian đã hình thành 03 vành đai chính: vành đai phía Bắc giáp Bình Phước có lượng mưa rất cao trên 2.800 mm và có số ngày mưa 150 - 160 ngày; vành đai trung tâm huyện có lượng mưa 2.400 - 2.800 mm số ngày mưa trong năm là 130 - 150 ngày; vành đai phía Nam có lượng mưa thấp nhất 2.000 - 2.400 mm.

Lượng mưa lớn và phân hóa theo mùa và đã tạo ra 2 mùa trái ngược nhau là mùa mưa và mùa khô:

+ Mùa khô: kéo dài trong 06 tháng từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa rất thấp chỉ chiếm khoảng 10 - 15% lượng mưa cả năm, trong khi đó lượng bốc hơi rất cao, chiếm khoảng 64 - 67% tổng lượng bốc hơi cả năm.

+ Mùa mưa: kéo dài trong 06 tháng từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa 06 tháng mùa mưa chiếm 90% tổng lượng mưa cả năm, chỉ riêng 04 tháng mưa lớn nhất, lượng mưa đã chiếm 62 - 63% lượng mưa cả năm. Ngược lại, lượng bốc hơi và nền nhiệt thấp hơn mùa khô.

d. Thủy văn

Thủy văn bị chi phối bởi hệ thống sông, hồ, suối và số ngày mưa trên địa bàn.

Hệ thống sông, suối: Sông Đồng Nai là nguồn cung cấp nước cho thủy điện Trị An và hồ Trị An nên trữ lượng nước và chất lượng môi trường nước hồ Trị An phụ thuộc rất lớn về dòng chảy của sông Đồng Nai.

Sông Bé là nhánh sông đổ nước vào sông Đồng Nai tại hạ lưu trên ranh giới phía Tây giữa Đồng Nai và Bình Dương, sông vừa có độ sâu và rộng, dòng chảy tương đối nhanh, đặc biệt là ngã ba Hiếu Liêm. Ngoài ra, trên địa bàn còn có rất nhiều sông, suối nhỏ như suối Ràng, suối Linh, suối Cây Sung, suối Sai, suối Bà Hào... hầu hết các suối nhỏ chỉ có nước trong mùa mưa và đều cạn nước vào mùa khô. Các dòng sông này cung cấp phù sa cho các địa bàn ven sông trong đó có vùng đất ven sông thuộc xã Hiếu Liêm.

Hệ thống hồ trên địa bàn: Gồm hồ Trị An, hồ Vườn ươm, hồ Bà Hào, hồ Sen,... trong đó hồ Trị An có diện tích mặt nước lớn nhất khoảng 32.380 ha là hồ có nhiều tiềm năng để phát triển các sản phẩm du lịch và điểm nhấn hấp dẫn khách du lịch; trên hồ có rất nhiều đảo lớn nhỏ, đa dạng về loại hình, đảo lớn nhất là đảo Ó - Đồng Trường với diện tích hơn 20 ha, ngoài ra các đảo khác có diện tích từ 2 -10 ha như đảo Xanh, đảo Đá, đảo Năm Bàu, đảo Tây Ninh 2,... có thể khai thác để tạo ra sản phẩm phát triển du lịch.

Hồ Bà Hào có diện tích trên 400 ha, hồ Vườn ươm trên 20 ha và nhiều ao lớn nhỏ trong các trảng, các áp... Hệ thống sông hồ góp phần quan trọng về nguồn dự trữ nguồn nước mặt, điều tiết khí hậu, bảo tồn, phát triển hệ sinh thái và cảnh quan góp phần quan trọng cho xây dựng sản phẩm và loại hình du lịch, đặc biệt là các loại hình du lịch sinh thái và vui chơi giải trí.

1.2. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra xây dựng bản đồ đất tỷ lệ 1/100.000 của tỉnh Đồng Nai do Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp Miền Nam xây dựng năm 2004, trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu có 5 nhóm đất chính như sau:

*** Nhóm đất phù sa**

Diện tích 8.098,02 ha, chiếm 7,42% diện tích tự nhiên. Đất được hình thành trên trầm tích trẻ (Holocen) của hệ thống sông Đồng Nai, phân bố trên dạng địa hình đồng bằng, tập trung ở các xã Tân Bình, Bình Lợi, Bình Hòa, Thiện Tân và rải rác ở các xã Tân An, Trị An, Thạnh Phú. Đất phù sa rất thuận lợi cho trồng lúa màu và cây ăn quả. Nơi địa hình thấp có điều kiện tưới thích hợp cho sản xuất lúa 2-3 vụ, nơi không có khả năng tưới, địa hình cao thoát nước thích hợp dành cho trồng rau, hoa màu và cây ăn trái. Đặc biệt bưởi Tân Triều, một loại trái cây đặc sản có giá trị kinh tế cao của vùng được trồng trên đất phù sa.

*** Nhóm đất đen**

Diện tích 3.229,09 ha, chiếm 2,96% diện tích tự nhiên. Phân bố tập trung ở xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An. Đất đen hình thành trên sản phẩm phong hóa của đá bọt bazan, tầng đất hữu hiệu thường rất mỏng, lẫn nhiều kết von hoặc mảnh đá, trên bề mặt đất có nhiều tảng đá lộ đầu lớn, gây trở ngại lớn cho sản xuất nông nghiệp và giao thông.

Đất đen thích hợp cho việc trồng các cây hoa màu (bắp, đậu đỗ, rau,...), cây công nghiệp ngắn ngày (thuốc lá, bông vải, đậu nành) và các loại cây ăn trái. Những nơi địa hình thấp có khả năng tưới thích hợp cho việc trồng lúa hoặc lúa kết hợp trồng hoa màu.

*** Nhóm đất xám**

Diện tích 1.647,69 ha, chiếm 1,51% diện tích tự nhiên. Đất được hình thành chủ yếu trên phù sa cổ, một số hình thành trên đá phiến sét, phân bố trên các dạng địa hình đồi thuộc thị trấn Vĩnh An, Trị An, Bình Lợi, Thạnh Phú, Tân An và Vĩnh Tân.

Về tiềm năng của đất xám: nơi địa hình cao thoát nước, có tầng đất hữu hiệu trên mức 70 - 100 cm, thích hợp cho việc trồng các cây dài ngày như cao su, điều, cây ăn trái, đồng thời có thể trồng các cây hàng năm như khoai mì, bắp và các loại đậu; nơi địa hình thấp, có khả năng tưới, thích hợp cho việc trồng lúa, hoa màu; nơi có tầng đất hữu hiệu mỏng dưới mức 30 - 50 cm, chỉ thích hợp cho việc trồng và bảo vệ rừng.

Nhìn chung nhóm đất xám trên địa bàn có tầng đất hữu hiệu rất mỏng và tập trung nhiều trong ranh giới Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai, vì vậy nhóm đất này đang được sử dụng chính cho sản xuất lâm nghiệp.

*** Nhóm đất đỏ vàng**

Diện tích 80.367,66 ha, chiếm 73,67% diện tích tự nhiên. Đất hình thành chủ yếu trên đá bazan, phù sa cổ và đá phiến sét; phân bố ở xã Phú Lý, thị trấn Vĩnh An, Trị An, Vĩnh Tân, Tân An, Thiện Tân, Thạnh Phú, Tân Bình, Bình Lợi và Bình Hòa.

Đất đỏ trên đá Bazan là loại đất có chất lượng trong các loại đất đồi núi nước ta. Tầng đất hiện hữu thường rất dày >100 cm có thành phần cơ giới nặng, tương đối giàu chất hữu cơ, đạm tổng số và lân tổng số nhưng lại nghèo về các cation kiềm trao đổi, chất chua, kali và lân dễ tiêu.

Đất đỏ thích hợp cho việc trồng các cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê, tiêu. Tuy vậy ở Vĩnh Cửu, đất đỏ hầu hết nằm trong ranh giới Khu Bảo tồn, vì vậy đang được sử dụng chính cho lâm nghiệp.

*** Nhóm đất trơ sỏi đá**

Hình thành chủ yếu trên mẫu chất phù sa cổ, diện tích nhỏ (225,27 ha); phân bố ở xã Thiện Tân, Tân An, Vĩnh Tân, Phú Lý và thị trấn Vĩnh An; chất lượng đất rất kém: tầng đất mỏng, độ phì thấp. Đất này phù hợp cho việc trồng và bảo vệ rừng.

b. Tài nguyên nước

- **Nước mặt:** nguồn nước mặt chính gồm có sông Đồng Nai, sông Bé, hồ Trị An, hồ Bà Hào, hồ Mo Nang... và hệ thống kênh, rạch suối, Trong đó:

- Sông Đồng Nai: đoạn qua huyện chảy theo hướng Bắc - Nam (bao bọc ranh giới của huyện), mặt nước rộng trung bình 295 m, lượng nước sông khá dồi dào, do sông sâu và dốc nên khả năng bồi đắp phù sa kém, chỉ xuất hiện dải đất phù sa ven theo triền sông. Hiện dọc theo sông Đồng Nai đã đặt hệ thống các trạm bơm để cung nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt.

- Sông Bé: bắt nguồn từ dãy núi cao Phước Long, thượng nguồn có nhánh suối Mã Đà, hạ lưu sông đổ vào sông Đồng Nai. Đoạn chạy qua huyện (thuộc xã Hiếu Liêm) nằm trên ranh giới phía Tây giữa Đồng Nai và Bình Dương, sông rộng trung bình 150 m, lượng nước trên sông khá dồi dào, do sông sâu và dốc nên khả năng bồi đắp phù sa kém.

- Hồ Trị An: có diện tích khoảng 326 km² (trong địa phận huyện Vĩnh Cửu gần 140 km²), ngoài ra trên địa bàn huyện còn có hồ Bà Hào, hồ Mo Nang và 03 đập (Ông Hoàng, Thạnh Phú, Bến Xúc).

- **Nước ngầm:** qua kết quả khảo sát về nước dưới đất ở Đồng Nai của liên đoàn Địa chất thủy văn 7 và 8 (đoàn 801) thì tiềm năng nước dưới đất của huyện Vĩnh Cửu khá phong phú nhưng không đều; có thể khai thác ở độ sâu 10 - 15 m đến 35 - 50 m, bề dày tầng chứa nước thay đổi từ 10 - 15m đến 50 - 60 m, trữ lượng tính đạt 788.800 m³, tổng trữ lượng 1.090.000 m³/ngày, chất lượng nước tốt với tổng khoáng hóa từ 0,07 - 0,6g/l, thuộc loại nước nhạt có chứa bicarbonat - natri và có hàm lượng sắt cao. Nhìn chung lượng nước ngầm trên địa bàn huyện khá lớn, có khả năng cung cấp đủ nước cho sinh hoạt và cho sản xuất nông nghiệp.

c. Tài nguyên rừng

Vĩnh Cửu là một trong những huyện có tài nguyên rừng phong phú nhất thuộc tỉnh Đồng Nai nói riêng và toàn vùng Đông Nam Bộ nói chung; với diện tích 74.546,8 ha, chiếm 68,0% diện tích tự nhiên toàn huyện và có trữ lượng khoảng 5,6 triệu m³ gỗ. Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ thủy điện Trị An, bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn đất, bảo tồn các loài động vật quý hiếm, bảo vệ môi trường sinh thái và là lá phổi xanh cho môi trường sống. Trong

kháng chiến chống đế quốc xâm lược, rừng thuộc Mã Đà, Hiếu Liêm, Phú Lý và Vĩnh An là căn cứ của Khu ủy Miền Đông và hiện nay thuộc phạm vi Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai và một phần vườn Quốc gia Cát Tiên.

d. Tài nguyên khoáng sản

Nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện tương đối phong phú. Hiện nay đã phát hiện được 120 mỏ, điểm quặng, điểm khoáng hóa với tiềm năng và triển vọng rất khác nhau được phân bố như sau: nhóm kim loại tập trung ở phía Bắc của huyện; đá xây dựng tự nhiên phân bố ở khu vực đồi Bà Mọi, xã Thiện Tân, xã Hiếu Liêm, xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An; sét gạch ngói phát hiện ở xã Tân An và xã Thiện Tân; cát xây dựng được khai thác chủ yếu trong trầm tích lòng sông Đồng Nai (cù lao Bình Chánh, xã Bình Lợi); nguyên liệu phụ gia xi măng Puzlan và Laterit: Puzlan tập trung ở thị trấn Vĩnh An, xã Vĩnh Tân, còn Laterit có trữ lượng khá lớn ở Mã Đà, Hiếu Liêm, Tân An; nguyên liệu Keramzit phát hiện ở xã Tân An, Trị An và Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai.

e. Tài nguyên nhân văn

Hầu hết các xã trong huyện Vĩnh Cửu đều có đình làng, đặc biệt như xã Tân Bình có đến 19 đình, miếu. Đa phần đình thờ những vị phúc thần, thành hoàng bản cảnh, hoặc những anh hùng dân tộc có công với dân tộc, đất nước. Mỗi đình hàng năm đều có Lễ Kỳ Yên riêng.

Bên cạnh đó, huyện còn có nhiều Di tích lịch sử ghi dấu những chiến công của cha ông trong những năm đầu tranh giải phóng dân tộc gồm 03 di tích lịch sử văn hóa được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch xếp hạng: Căn cứ Khu ủy miền Đông Nam Bộ (Chiến khu D), Di tích Địa đạo Suối Linh, Căn cứ Trung ương Cục miền Nam và 05 di tích lịch sử được UBND tỉnh công nhận: Di tích Nhà Bia thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh Ủy Lâm thời tỉnh Biên Hòa, Đình Long Chiến, Đình Phú Trạch, Đình Cẩm Vinh.

g. Tài nguyên du lịch

Vĩnh Cửu nằm ở thượng nguồn sông Đồng Nai có cảnh quan phong phú, đa dạng sinh học với các hệ sinh thái sông Đồng Nai, hệ sinh thái rừng, du lịch sinh thái làng bưởi Tân Triều, kết hợp với điểm du lịch tham quan gồm: du lịch đường thủy trên hồ Trị An, tham quan Nhà máy thủy điện Trị An, tham quan di tích Chiến khu Đ, Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai, du lịch giải trí vùng Bà Hào,... Với lợi thế như vậy Vĩnh Cửu có nhiều điều kiện để thúc đẩy phát triển du lịch, đưa ngành du lịch thành một lĩnh vực có đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương.

1.3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Về kinh tế:

Theo số liệu thống kê của huyện Vĩnh Cửu năm 2022 thì ngành công nghiệp là ngành kinh tế chủ lực của huyện, sản xuất công nghiệp luôn giữ tốc độ tăng trưởng khá ổn định. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp năm 2022 là 21.988 tỷ đồng (giá so sánh 2010), tăng 8,05% so với cùng kỳ; thương mại - dịch vụ có xu hướng tăng trở lại sau dịch bệnh Covid được kiểm soát và phát triển khá tốt, tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ ước đạt 2.372 tỷ đồng, tăng 17,8%; bên cạnh đó ngành nông nghiệp sản áp dụng tái cơ cấu với mục đích hướng tới khai thác hiệu quả quỹ đất sản xuất và phát triển bền vững, phát triển nông nghiệp hữu cơ, mang lại giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản ước thực hiện trong năm 2022 là 1.888 tỷ đồng, tăng 4,08% so với cùng kỳ.

Về dân số:

Theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2021, huyện Vĩnh Cửu có dân số trung bình là 166.970 người với 45.500 hộ, trong đó số dân thành thị là 27.220 người, chiếm 16,3% và dân số nông thôn là 139.750 người, chiếm 83,7% tổng dân số. Tỷ lệ phát triển dân số của huyện năm 2021 giảm 0,87% so với năm 2020.

1.4. Về đất đai

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2022, tổng diện tích tự nhiên của huyện là 108.914,44 ha, trong đó đất nông nghiệp 89.039,04 ha, đất phi nông nghiệp 19.875,4 ha.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất luôn được tỉnh nói chung và huyện nói riêng quan tâm thực hiện nhằm đáp ứng kịp thời cho yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của huyện, trong đó:

- Đối với công tác quy hoạch sử dụng đất: Hiện nay, UBND huyện đang triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện theo đúng quy hoạch được duyệt; việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện được thực hiện theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Đối với công tác lập kế hoạch sử dụng đất: Thực hiện Luật đất đai năm 2013, từ năm 2015 đến nay, UBND huyện đã thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vĩnh Cửu được duyệt với 85 dự án/659,84 ha gồm 61 dự án/277,53 ha được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 và 24 dự án/382,31 ha được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 26/5/2023. Theo kế hoạch được duyệt, đến nay có 26 dự án với tổng diện tích 360,29 ha đang triển khai thực hiện các thủ tục về đất đai như: triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc xin phép chuyển mục đích sử dụng đất,... (chiếm 30,59% về số lượng và 54,60% diện tích trong tổng số dự án được duyệt). Bên cạnh đó, số lượng dự án chưa triển khai thực hiện chiếm tỷ lệ cao với 59 dự án/299,55 ha (69,41% về số lượng và 45,40% về diện tích) chủ yếu đang trong giai đoạn đo đạc, cắm mốc ranh giới dự án, hoàn thành phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật, lập phương án bồi thường, nhận chuyển nhượng, góp vốn hoặc hoàn thiện hồ sơ xin giao đất theo phương án quản lý đất công của tỉnh,...

(Kết quả thực hiện dự án, công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chi tiết tại Biểu 2B/CH)

Tính đến nay, kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện năm 2023 sau khi được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 như sau:

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở: 0,28 ha/9,56ha, đạt 2,92%; trong đó chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất ở: 0,06 ha/3,53 ha, đạt 1,67%;
- Chuyển từ đất phi nông nghiệp không phải đất ở, chuyển sang đất ở: 0 ha/ 0,14 ha, đạt 0%;
- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm: 4,23 ha/ 107,44 ha, đạt 3,94%;
- Chuyển mục đích từ đất rừng sản xuất sang đất nông nghiệp không phải rừng: 1,47 ha/ 16,24 ha, đạt 9,05%;
- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản: 0 ha/ 1,27 ha, đạt 0%.

2.2. Đánh giá những tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện năm 2023 đến nay đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên, do thời gian thực hiện ngắn (3 tháng đầu năm 2023 trong đó có thời gian nghỉ tết nguyên đán) nên tiến độ triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn huyện còn chậm (59 dự án/85 dự án chưa triển khai trong đó có 24 dự án trọng điểm mới được bổ sung vào ngày 26/5/2023) chủ yếu do vướng mắc các quy định về đất đai và đầu tư như:

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải của huyện nên địa phương không thể chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Không thể phân bổ nguồn lực đầu tư hợp lý do một số dự án được bố trí vốn nhưng chưa có trong kế hoạch sử dụng đất.

- Đối với các dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ không thuộc đối tượng được nhà nước thu hồi đất mà chủ đầu tư phải tự thỏa thuận, nên tiến độ thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực này cũng phụ thuộc vào năng lực của chủ đầu tư đặc biệt trong giai đoạn khó khăn về kinh tế hiện nay.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Về trình tự, thủ tục thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng: Quy trình các bước thực hiện (từ khi thông báo thu hồi đất đến khi thông báo cho người bị thu hồi đất nhận tiền bồi thường) phải qua nhiều công đoạn. Đến nay, pháp luật đất đai chưa quy định cụ thể trình tự thủ tục và thời gian thực hiện. Tỉnh Đồng Nai đã ban hành quy định thời gian hoàn thành các công đoạn và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị nhưng trên thực tế việc thực hiện còn chậm so với quy định, chủ yếu ở các khâu kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại, xác nhận nguồn gốc đất, lập phương án bồi thường. Ngoài ra, việc triển khai các công việc sau khi có thông báo thu hồi đất đến khi trình thẩm định phương án bồi thường các dự án còn chậm. Việc thực hiện các khâu trong công tác bồi thường các dự án không đồng bộ, không liên tục và thường bị gián đoạn.

Tình trạng người dân không phối hợp thực hiện công tác kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại để lập phương án bồi thường (phải tiến hành kiểm kê bắt buộc), không chấp hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường của cơ quan có thẩm quyền vẫn còn xảy ra. Tình hình khiếu kiện của người bị thu hồi đất vẫn còn khá phức tạp, ảnh hưởng lớn đến tiến độ bàn giao mặt bằng để thực hiện các dự án đầu tư.

Đối với các dự án có hiện trạng đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai nhưng tiến độ thực hiện còn chậm nguyên nhân chủ yếu do: Để đạt chuẩn nông thôn mới, nhiều công trình đã được xây dựng trước mà chưa có các hồ sơ như: chấp thuận (hoặc quyết định) chủ trương đầu tư, thẩm định

nhu cầu, cam kết môi trường ..; do vậy không đủ điều kiện để thực hiện giao đất. Ngoài ra, do thời gian thực hiện ngắn nên tiến độ thực hiện kế hoạch còn chậm.

III. BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

3.1. Phương hướng nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Cửu đã bám sát phương hướng nhiệm vụ năm 2023 tại Báo cáo số 2181/BC-UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện Vĩnh Cửu, đảm bảo sát với tình hình thực tế. Cụ thể như sau:

3.1.1. Mục tiêu tổng quát năm 2023

Năm 2023, dự báo tình hình kinh tế trong nước tiếp tục ổn định và có mức tăng trưởng cao hơn năm 2022; Những điều kiện thuận lợi của tỉnh trong việc phục hồi kinh tế góp phần làm tăng thêm năng lực sản xuất nền kinh tế; an sinh xã hội được bảo đảm; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục ổn định; Trên địa bàn huyện với những kết quả đạt được về phát triển KT- XH, QP-AN và trên cơ sở những Kế hoạch, Chương trình cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ huyện đã được ban hành, tổ chức triển khai thực hiện là những tiền đề quan trọng để huyện nhà phát triển trong thời gian tới.

Tập trung thu hút đầu tư có chọn lọc để phát triển công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp trên cơ sở ứng dụng khoa học - công nghệ, sản xuất hàng hóa nhằm phục vụ du lịch và xuất khẩu; Đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện tốt công tác bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường, phòng chống tội phạm. Bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân. Tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh cải cách hành chính. Tăng cường củng cố thể trận Quốc phòng toàn dân kết hợp với thể trận an ninh nhân dân, gắn phát triển kinh tế - xã hội với Quốc phòng - An ninh.

3.1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a. Chỉ tiêu về Kinh tế (07 chỉ tiêu)

- Giá trị sản xuất ngành (GTSX) Công nghiệp, tăng 11% so với năm 2022.
- GTSX ngành Thương mại - Dịch vụ tăng 17% so với năm 2022.
- GTSX ngành Nông - Lâm - Thủy sản tăng 4% so với năm 2022.
- Tổng vốn đầu tư XD CB 355,712 tỷ đồng (vốn từ NS).

- Thu ngân sách nhà nước đạt dự toán pháp lệnh giao.
- Thành lập mới từ 01 - 02 HTX (tỷ lệ hoạt động có hiệu quả đạt 70%).
- Tiếp tục giữ vững các xã đạt chuẩn NTM nâng cao; Xây dựng thực hiện các tiêu chí NTM nâng cao cấp huyện; Phấn đấu có từ 03-04 KDC kiểu mẫu.

b. Chỉ tiêu xã hội (09 chỉ tiêu)

- Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch đạt chuẩn QC02: Dân cư đô thị đạt trên 97%; Dân cư nông thôn đạt 83,5%.
- Tỷ lệ ấp, khu phố văn hóa đạt 90%; Hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 90%; Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa 98%; Tỷ lệ doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 75%.
- Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%.
- Giữ vững xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục các bậc học và PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi theo chuẩn quốc gia. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 92,5%; Giữ vững tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.
- Giữ vững 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về Y tế.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 93%.
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi dưới 7%; Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi dưới 14%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 76%.
- Giảm từ 20% đến 30% hộ nghèo A.

c. Chỉ tiêu về Môi trường (02 chỉ tiêu)

- Thu gom và xử lý 100% chất thải Y tế; 100% chất thải nguy hại; 100% chất thải rắn sinh hoạt; 100% chất thải công nghiệp không nguy hại.
- Tỷ lệ che phủ cây xanh 65%; tỷ lệ che phủ rừng 63%.

d. Chỉ tiêu về Quốc phòng - An ninh (03 chỉ tiêu)

- Hoàn thành chỉ tiêu giao quân ở cả 02 cấp; Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng DQTV đạt trên 25%.
- Đảm bảo an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội; Giảm số vụ phạm pháp hình sự từ 5% -7%; Xử lý 90% tin báo tố giác tội phạm; Điều tra khám phá án hình sự đạt 75% trở lên, trong đó án rất nghiêm trọng và ĐBNT đạt 95% trở lên; giảm tai nạn giao thông từ 5-7%.
- Giải quyết trên 95% đơn thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật thuộc thẩm quyền.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 tỉnh Đồng Nai (lần 1) và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện. Cụ thể:

Bảng 1: Số lượng dự án, công trình bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Đơn vị tính: ha

TT	Mục đích sử dụng đất	Dự án bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023	
		Số dự án	Diện tích
I	Đất nông nghiệp	3	31,89
1	Đất nông nghiệp khác	3	31,89
II	Đất phi nông nghiệp	34	322,64
1	Đất quốc phòng	4	80,90
2	Đất an ninh	1	0,20
3	Đất thương mại, dịch vụ	1	0,05
4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	13	28,08
5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	5	140,98
6	Đất phát triển hạ tầng	6	5,27
	Trong đó:		
	- Đất giao thông	3	3,06
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	1	0,26
	- Đất công trình năng lượng	1	1,23
	- Đất cơ sở tôn giáo	1	0,72
7	Đất sinh hoạt cộng đồng	2	0,14
8	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	2	67,02
	Tổng số	37	354,53

Chi tiết danh mục dự án, công trình đính kèm tại Biểu 06/CH)

3.2.1. Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh

- **Đất quốc phòng:** bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 có 04 dự án với diện tích 80,9 ha, gồm; Công trình căn cứ hậu cần - kỹ thuật và thao trường huấn luyện huyện Vĩnh Cửu tại xã Hiếu Liêm (49,0 ha); Căn cứ hậu cần kỹ thuật xã Hiếu Liêm (7,2 ha) và Công trình quốc phòng (DA1)- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tại xã Thiện Tân (5,7 ha); kho V1 tại xã Tân An (19,0 ha).

3.2.2. Bổ sung dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất

- **Đất giao thông:** 03 dự án/ 3,06 ha gồm Đầu tư xây dựng tuyến đường số 7 KCN Thạnh Phú đoạn đầu nối ra trục 16 xã Thạnh Phú (0,1 ha); đường tổ 8, N2 ấp Bầu Phụng xã Phú Lý (1,37 ha); Đường N7, liên ấp 1-3 xã Phú Lý (1,59 ha).

- **Đất xây dựng cơ sở y tế:** dự án Trạm y tế xã Mã Đà với diện tích 0,26 ha.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** 02 dự án/ 67,02 ha, gồm dự án Nạo vét Rạch Mọi diện tích 6,52 ha và Nạo vét Rạch Đông (60,5 ha).

3.2.3. Công trình, dự án thu hồi đất theo Điều 65 Luật đất đai

- **Đất cơ sở tôn giáo:** Chùa Linh Sơn tại xã Vĩnh Tân với diện tích 0,72 ha.

3.2.4. Các công trình, dự án chuyển mục đích

- **Đất công trình năng lượng:** dự án Trung tâm vận hành (nhà máy thủy điện Trị An), diện tích 1,23 ha.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** có 01 dự án/ 0,05 ha là trung tâm Viettel tại xã Thạnh Phú.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** có 13 dự án/ 28,08 ha

+ Tại xã Tân An: Khu chế biến; đường băng truyền từ mỏ đá Thiện Tân 9 đi ra khu chế biến, khu chế biến ra bến thủy nội địa (Công ty CP Đầu tư xây dựng TMDV XNK Trường Trường Phát JP), diện tích 9,69 ha và Nhà xưởng chế biến gỗ (Mai Hoài Thương), diện tích 1,29 ha.

+ Tại xã Thiện Tân: Kho xưởng (Huỳnh Kim Sơn), diện tích 1,47 ha; Nhà kho (Nguyễn Duy Linh), diện tích 1,19 ha; Cơ sở sản xuất (Trần Thị Kiều Oanh), diện tích 2,25 ha; Nhà kho (công ty Long Quân), diện tích 1,61 ha; Nhà kho (Nguyễn Văn Hòa), diện tích 0,55 ha; Nhà Kho (Nguyễn Thành Nam), diện tích 2,06 ha; Kho bãi chứa sản phẩm ngành gỗ và hàng thủ công mỹ nghệ (Vương Ngọc Châu), diện tích 3,23 ha; Trạm trộn bê tông thương phẩm (Trần Huy Thông), diện tích 1,46 ha.

+ Tại xã Vĩnh Tân: Nhà kho (Lê Anh Tuấn), diện tích 0,29 ha; Nhà kho (Võ Thị Linh Xuân), diện tích 0,36 ha; Nhà kho (Trần Hải Ngọc), diện tích 2,63 ha.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** 05 dự án/ 140,98 ha, gồm: Mỏ đá Thiện Tân 4 (14,29 ha), Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 (16,80 ha), Mỏ đá

Thiện Tân 10 - Đồi chùa 3 (55,15 ha), Mỏ đá Thiện Tân 9 (38,57 ha), Mỏ đá Thiện Tân 3 (16,17 ha).

- **Đất nông nghiệp khác:** có 03 dự án/ 31,89 ha

Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (công ty CP chăn nuôi Velbred, 2 vị trí), diện tích 27,35 ha; Cơ sở sản xuất giống gia cầm công nghệ cao Trị An mở rộng (2,45 ha); điểm chăn nuôi và trung chuyển heo (2,09 ha)

3.2.5. Các khu vực sử dụng đất khác

- **Đất an ninh:** bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 dự án trụ sở công an xã Mã Đà với diện tích 0,2 ha để hoàn thành thủ tục đất đai theo phương án đất công.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** 02 dự án/0,14 ha: Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 (0,06 ha) và Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 xã Ma Đà (0,08 ha) đưa vào bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 để hoàn thành thủ tục giao đất.

Như vậy, có 37 dự án/ 354,53 ha được bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Cửu.

3.2.6. Bổ sung nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân năm 2023 (lần 2)

Trên cơ sở đơn xin đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân phát sinh từ đầu năm 2023 đến nay như sau:

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở: 28,22 ha, trong đó đất trồng lúa sang đất ở là 7,82 ha;

- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm là 64,89 ha;

- Chuyển đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng 20,29 ha;

- Chuyển mục đích đất nông nghiệp chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 0,17 ha;

- Chuyển mục đích đất phi nông nghiệp không phải đất ở, chuyển sang đất ở 0,12 ha;

Diện tích chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân căn cứ vào chỉ tiêu chuyển mục đích nêu trên; vị trí chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân được thể hiện trong bản đồ bổ sung khu vực chuyển mục đích năm 2023 (lần 2) huyện Vĩnh Cửu (*Chi tiết danh sách đính kèm tại Biểu 4D/CH*).

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực. UBND huyện Vĩnh Cửu lập hồ sơ bổ sung kế hoạch sử dụng đất của huyện. Theo đó, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Cửu sau khi bổ sung các công trình, dự án như sau:

Bảng 02: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vĩnh Cửu

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt tại Quyết định 1211/QĐ-UBND	Chỉ tiêu điều chỉnh KHSDD năm 2023	
			Diện tích	Tăng (+), giảm (-)
1	Đất nông nghiệp	88.534,95	88.334,72	-200,23
1.1	Đất trồng lúa	1.497,69	1.469,06	-28,63
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>1.259,60</i>	<i>1.251,45</i>	<i>-8,15</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	2.081,88	2.053,63	-28,25
1.3	Đất trồng cây lâu năm	11.525,02	11.419,23	-105,79
1.4	Đất rừng phòng hộ	11,57	11,57	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	64.103,70	64.103,70	-
1.6	Đất rừng sản xuất	7.782,59	7.730,70	-51,89
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>2.225,57</i>	<i>2.225,57</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.212,18	1.197,35	-14,83
1.8	Đất nông nghiệp khác	320,32	349,48	29,16
2	Đất phi nông nghiệp	20.379,49	20.579,72	200,23
2.1	Đất quốc phòng	167,49	248,39	80,90
2.2	Đất an ninh	10,29	10,49	0,20
2.3	Đất khu công nghiệp	231,42	231,42	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	251,95	251,95	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	67,60	67,82	0,22
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	331,00	358,02	27,02
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	492,37	542,48	50,11
2.8	Đất phát triển hạ tầng	1.958,17	1.960,51	2,34

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt tại Quyết định 1211/QĐ-UBND	Chỉ tiêu điều chỉnh KHSDD năm 2023	
			Diện tích	Tăng (+), giảm (-)
	Trong đó:			
	- Đất giao thông	1.134,69	1.136,05	1,36
	- Đất thủy lợi	73,44	73,44	-
	- Đất cơ sở văn hoá	11,39	11,39	-
	- Đất cơ sở y tế	8,39	8,65	0,26
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	97,78	97,78	-
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	13,74	13,74	-
	- Đất công trình năng lượng	263,47	263,47	-
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	2,59	2,59	-
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	15,41	15,41	-
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	85,20	85,20	-
	- Đất cơ sở tôn giáo	31,80	32,52	0,72
	- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	216,24	216,24	-
	- Đất chợ	4,03	4,03	-
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	6,63	6,63	-
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	8,85	8,85	-
2.11	Đất ở tại nông thôn	1.029,26	1.035,33	6,07
2.12	Đất ở tại đô thị	178,59	178,96	0,37
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	17,92	17,72	-0,20
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	16,03	16,03	-
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	13,37	13,37	-
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.716,57	1.749,77	33,20
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	13.881,98	13.881,98	-
*	Đất đô thị	3.140,18	3.140,18	-

(*) Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

(Chi tiết chỉ tiêu theo từng đơn vị hành chính đính kèm tại Biểu 03/CH)

3.3.1. Đất nông nghiệp

Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 88.334,72 ha. So với kế hoạch được duyệt, diện tích giảm 200,23 ha. Nguyên nhân giảm để thực hiện các dự án phi nông nghiệp, Cụ thể:

- **Đất trồng lúa:** diện tích điều chỉnh kế hoạch đến năm 2023 là 1.469,06 ha, giảm 28,63 ha so với kế hoạch được duyệt. Diện tích giảm chủ yếu do bổ sung diện tích đất trồng lúa chuyển sang đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm.

Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch 2023 có diện tích 1.251,45 ha giảm 8,15 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** diện tích điều chỉnh kế hoạch là 2.053,63 ha, giảm 28,25 ha so với kế hoạch được duyệt, phần diện tích giảm được chuyển sang cho các chỉ tiêu đất cụm công nghiệp; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm,...

- **Đất trồng cây lâu năm:** điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 11.419,23 ha, giảm 105,79 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân giảm do chuyển sang thực hiện các dự án phi nông nghiệp: đất phát triển hạ tầng, đất quốc phòng...

- **Đất rừng phòng hộ:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 11,57 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất rừng đặc dụng:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 có diện tích 64.103,7 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất rừng sản xuất:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đến năm 2023 là 7.730,70 ha, giảm 51,89 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong đó, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch 2023 giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt, có diện tích 2.225,57 ha.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 1.197,35 ha, giảm 14,83 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất nông nghiệp khác:** điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 là 349,48 ha, tăng 29,16 ha so với kế hoạch được duyệt.

3.3.2. Đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 đất phi nông nghiệp có diện tích 20.579,72 ha, tăng 200,23 ha so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

- **Đất quốc phòng:** chỉ tiêu bổ sung năm 2023 là 248,39 ha, tăng 80,9 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất an ninh:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 10,49 ha tăng 0,2 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất khu công nghiệp:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 231,42 ha giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất cụm công nghiệp:** kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 251,95 ha giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** chỉ tiêu diện tích năm 2023 là 67,82 ha, tăng 0,22 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** chỉ tiêu diện tích năm 2023 là 358,02 ha, tăng 27,02 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** chỉ tiêu kế hoạch đến năm 2023 là 542,48 ha, tăng 50,11 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất phát triển hạ tầng:** Diện tích điều chỉnh kế hoạch đến năm 2023 là 1.960,51 ha. Tăng 2,34 ha so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

+ **Đất giao thông:** kế hoạch năm 2023 diện tích là 1.136,05 ha, tăng 1,36 ha so với kế hoạch được duyệt, nguyên nhân do bổ sung thêm các công trình giao thông.

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** diện tích kế hoạch đến năm 2023 là 8,65 ha, tăng 0,26 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất công trình năng lượng:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 263,47 ha, giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất cơ sở tôn giáo:** diện tích kế hoạch đến năm 2023 diện tích đất tôn giáo là 32,52 ha, tăng 0,72 ha với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 216,24 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** kế hoạch năm 2023 là 6,63 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 8,85 ha, giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

- **Đất ở tại nông thôn:** kế hoạch năm 2023, diện tích là 1.035,33 ha, tăng 6,07 ha so với kế hoạch được duyệt, chủ yếu chuyển mục đích theo nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân.

- **Đất ở tại đô thị:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 178,96 ha, tăng 0,37 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** kế hoạch năm 2023 là 17,72 ha, giảm 0,02 ha so với kế hoạch được duyệt do chuyển chức năng đất trụ sở cơ quan sang đất an ninh của trụ sở công an xã Mã Đà.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** chỉ tiêu diện tích năm 2023 là 16,03 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** diện tích đến năm 2023 là 13,37 ha, ổn định so chỉ tiêu được duyệt.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** kế hoạch đến năm 2023 là 1.749,77 ha, tăng 33,20 ha so với kế hoạch được duyệt. Tăng để thực hiện dự án nạo vét Rạch Mọi và nạo vét Rạch Đông.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** diện tích đến năm 2023 là 13.881,98 ha giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

3.4. Điều chỉnh diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

3.4.1. Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất hiện trạng

Bảng 03: Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất hiện trạng

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt tại Quyết định 1211/QĐ-UBND	Chỉ tiêu kế hoạch sau điều chỉnh	Tăng (+) giảm (-)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	504,09	704,32	200,23
1.1	Đất trồng lúa	18,78	40,25	21,47
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	12,89	20,86	7,97
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	87,86	123,67	35,81
1.3	Đất trồng cây lâu năm	242,74	316,25	73,51
1.4	Đất rừng sản xuất	144,27	196,16	51,89
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	10,23	25,06	14,83
1.6	Đất nông nghiệp khác	0,21	2,93	2,72
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	39,06	46,22	7,16
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	27,13	34,29	7,16

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt tại Quyết định 1211/QĐ-UBND	Chỉ tiêu kế hoạch sau điều chỉnh	Tăng (+) giảm (-)
2.2	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	11,93	11,93	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	0,14	0,14	-

(Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 4A/CH kèm theo)

3.4.2. Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất trong hồ sơ địa chính

Bảng 04: Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất trong hồ sơ địa chính

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt tại Quyết định 1211/QĐ-UBND	Chỉ tiêu kế hoạch sau điều chỉnh (ha)	Tăng (+), giảm (-)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	511,89	828,76	316,87
1.1	Đất trồng lúa	96,28	178,58	82,30
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	24,47	34,11	9,64
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	45,56	78,65	33,09
1.3	Đất trồng cây lâu năm	217,69	294,33	76,64
1.4	Đất rừng phòng hộ	5,90	5,90	-
1.5	Đất rừng sản xuất	131,35	242,51	111,16
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	14,98	23,00	8,02
1.7	Đất nông nghiệp khác	0,13	5,79	5,66
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	124,95	212,22	87,27
	<i>Trong đó:</i>		-	-
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	107,44	172,33	64,89

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt tại Quyết định 1211/QĐ-UBND	Chỉ tiêu kế hoạch sau điều chỉnh (ha)	Tăng (+), giảm (-)
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	1,27	1,27	-
2.3	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	16,24	38,62	22,38
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	0,14	0,26	0,12

(Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 4B/CH kèm theo)

3.4.3. Bổ sung Dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng chuyển sang mục đích khác năm 2023

Trên cơ sở các dự án bổ sung kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất năm 2023, rà soát với bản đồ địa chính xác định trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu có 15 dự án/ 266,39 ha. Trong đó có sử dụng đất trồng lúa 80,6 ha.

a. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên; dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng từ 20 ha trở lên

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** 03 dự án/ 110,52 ha, sử dụng 48,32 ha đất trồng lúa, gồm: Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5, Mỏ đá Thiện Tân 10 (Đồi chùa 3), Mỏ đá Thiện Tân 9.

b. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha; dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng dưới 20 ha

- **Đất quốc phòng:** dự án kho V1, diện tích 19,0 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 2,32 ha.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** 06 dự án/ 12,04 ha sử dụng đất trồng lúa 3,91 ha: Kho xưởng (Huỳnh Kim Sơn), Nhà Kho (Nguyễn Thành Nam), Kho bãi chứa sản phẩm ngành gỗ và hàng thủ công mỹ nghệ (Vương Ngọc Châu), Trạm trộn bê tông thương phẩm (Trần Huy Thông), Nhà kho (Nguyễn Duy Linh) tại xã Thiện Tân; Nhà kho (Trần Hải Ngọc) tại xã Vĩnh Tân.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** 02 dự án/ 30,46 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 6,17 ha, gồm các dự án: Mỏ đá Thiện Tân 4, Mỏ đá Thiện Tân 3.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** 02 dự án /67,02 ha, sử dụng 11,47 ha đất trồng lúa, gồm: dự án nạo vét Rạch Mọi và nạo vét Rạch Đông.

- **Đất nông nghiệp khác:** 01 dự án /37,35 ha, dự án Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (công ty Cp chăn nuôi Velbred) (2 vị trí), sử dụng 8,41 ha đất trồng lúa.

(Chi tiết danh mục dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đính kèm tại Biểu 4C/CH kèm theo)

3.5. Điều chỉnh diện tích đất cần thu hồi đất trong năm 2023

Bảng 05: Điều chỉnh diện tích cần thu hồi đất theo từng loại đất năm 2023

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt tại Quyết định 1211/QĐ-UBND	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-)
1	Đất nông nghiệp	395,17	516,75	121,58
1.1	Đất trồng lúa	50,54	64,33	13,79
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	4,71	6,94	2,23
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	23,59	29,71	6,12
1.3	Đất trồng cây lâu năm	175,55	216,21	40,66
1.4	Đất rừng phòng hộ	5,90	5,90	-
1.5	Đất rừng sản xuất	126,70	174,38	47,68
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	12,76	20,43	7,67
1.7	Đất nông nghiệp khác	0,13	5,79	5,66
2	Đất phi nông nghiệp	54,38	55,65	1,27
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	18,25	18,39	0,14
2.2	Đất phát triển hạ tầng	17,49	17,98	0,49
	<i>Trong đó:</i>			
	- Đất giao thông	6,28	6,77	0,49
	- Đất thủy lợi	5,25	5,25	-
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,42	0,42	-
	- Đất công trình năng lượng	3,50	3,50	-
	- Đất cơ sở tôn giáo	1,98	1,98	-
	- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	0,06	0,06	-
2.3	Đất ở tại nông thôn	10,59	10,82	0,23
2.4	Đất ở tại đô thị	0,90	0,90	-
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,26	0,26	-
2.6	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,07	0,07	-

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt tại Quyết định 1211/QĐ-UBND	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-)
2.7	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	2,65	3,06	0,41
2.8	Đất có mặt nước chuyên dùng	4,17	4,17	-

(Chi tiết chỉ tiêu thu hồi đất theo từng đơn vị hành chính đính kèm tại Biểu 05A/CH)

3.6. Danh mục các công trình, dự án bổ sung phải thu hồi đất trong năm 2023

Trong số các dự án trong bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nêu trên thì các dự án sẽ đăng ký thu hồi đất bổ sung theo Điều 61, Điều 62, Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 Khoản 8, khoản 10, khoản 60 Điều 2 - Nghị định 01/2017/NĐ-CP là 11 dự án/ 151,96 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 94,07 ha. Gồm:

3.6.1. Các công trình dự án sử dụng vào các mục đích theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi trong năm kế hoạch

Các dự án cần thu hồi đất theo Điều 61 Luật đất đai năm 2013 là 04 dự án/ 80,9 ha, diện tích thu hồi là 54,5 ha, gồm: Công trình căn cứ hậu cần - kỹ thuật và thao trường huấn luyện huyện Vĩnh Cửu (diện tích dự án là 49 ha trong đó diện tích phải tiếp tục thu hồi còn lại là 22,60 ha); Căn cứ hậu cần kỹ thuật tại xã Hiếu Liêm (7,2 ha); Công trình quốc phòng (DA1) tại xã Thiện Tân (5,7 ha); kho V1 tại xã Tân An (19,0 ha).

3.6.2. Các công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách Nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.

Các dự án cần thu hồi đất thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 6 dự án/ 70,34 ha, trong đó, diện tích thu hồi là 38,85 ha, gồm:

- Điểm a - Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương là 01 dự án với tổng diện tích 0,26 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 0,26 ha:

- Điểm b - Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu

sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải là 05 dự án với tổng diện tích 70,08 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 38,59 ha.

- Điểm d - Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

3.6.3. Các công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 65 của Luật Đất đai năm 2013

Đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 để làm thủ tục thu hồi đất theo Điều 65 của Luật đất đai năm 2013 đối với dự án chùa Linh Sơn tại xã Vĩnh Tân với diện tích 0,72 ha.

(Chi tiết danh mục dự án, công trình đính kèm tại Biểu 05B/CH)

3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong bổ sung kế hoạch sử dụng đất

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện bố trí nhiều công trình, dự án trọng điểm, tập trung mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc tính toán các khoản thu, chi từ đất trong phương án quy hoạch được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý và cơ sở như sau:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2019 sửa đổi điều 16 nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;
- Thông tư số 04/VBHN-BTNMT ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024 tại Quyết định số 49/2019/QĐ - UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai;

- Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện.

Căn cứ vào diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện, dự kiến các khoản thu, chi từ đất của huyện như sau:

- Các khoản thu từ đất bao gồm: thu từ việc giao đất ở đô thị, đất ở nông thôn, cho thuê đất, thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Do đó tổng thu từ đất khoảng 250 tỷ đồng.

- Tổng chi từ đất khoảng 200 tỷ đồng, gồm các khoản chi: chi đền bù giải tỏa đất, chi bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi, tài sản trên đất, chi hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, chi suất tái định cư tối thiểu.

- Cân đối thu chi các khoản có liên quan đến đất là: 50 tỷ đồng.

Bên cạnh việc mang lại những khoản thu cần thiết cho huyện, việc thực hiện dự án theo quy hoạch góp phần cải tạo mỹ quan đô thị trong tương lai, giao thông được cải thiện thuận lợi trong việc kết nối giao thương với vùng lân cận, hạ tầng đồng bộ, tiết kiệm quỹ đất đáp ứng đủ nhu cầu cần thiết của người dân.

Kết quả này cho thấy rõ rệt về tính hiệu quả của bổ sung lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Cửu, đặc biệt là cơ sở pháp lý để tiếp tục triển khai thực hiện các dự án phục vụ phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương.

IV. BỔ SUNG GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Công bố công khai, kịp thời các nội dung bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Cửu. Sau khi hồ sơ bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện sẽ chỉ đạo tổ chức thực hiện như sau:

4.1. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện bổ sung kế hoạch sử dụng đất

a. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp các Phòng, Ban. UBND cấp xã có liên quan tổ chức triển khai kế hoạch sử dụng đất của huyện đạt chất lượng, hiệu quả;

- Tham mưu UBND huyện thực hiện công bố công khai việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các thủ tục về đất đai; phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục về đất đai cho các dự án có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện, trong đó tiếp tục đôn đốc thực hiện các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 03 năm trở lên để sớm triển khai thực hiện.

- Quản lý đất đai chặt chẽ, đảm bảo việc sử dụng đất đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

b. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Phòng Tài chính - Kế hoạch cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các dự án, công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách trong năm 2023.

c. Các Ban, ngành của huyện, Ủy ban nhân dân thị trấn, xã

- Bám sát chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện điều chỉnh về quy mô, địa điểm, số lượng dự án công trình theo luật định.

- Triển khai thực hiện các dự án được giao làm chủ đầu tư, vận động người sử dụng đất thực hiện chuyển mục đích đảm bảo chỉ tiêu chuyển mục đích được duyệt.

- Thực hiện công bố, công khai kịp thời và đúng quy định, đề cộng đồng thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định;

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất thống nhất, chặt chẽ từ cấp huyện đến cấp xã, thị trấn;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tình hình triển khai hiện các dự án, công trình theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt, nhằm tránh tình trạng dự án treo, hoặc đầu cơ chờ cơ hội chuyển nhượng dự án để trục lợi. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất UBND tỉnh thu hồi diện tích đất đã giao hoặc đã cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê nhưng không hoặc chậm đưa đất đã được giao, được thuê vào sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả, sai mục đích;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên ngành đối với việc lập kế hoạch sử dụng đất sao cho phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và tình hình phát triển bền vững của địa phương, nhằm nâng cao chất lượng và tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

4.2. Giải pháp về khoa học, công nghệ

Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất đai, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4.3. Giải pháp về chính sách hỗ trợ

- Rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn phù hợp với cơ chế, chính sách chung của tỉnh; chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng trong đô thị, đồng thời thu hút đầu tư phát triển hạ tầng và các dự án đô thị, để tiến tới mở rộng không gian đô thị toàn huyện; phát triển quỹ nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, xã hội hóa các dịch vụ về: văn hóa, y tế, giáo dục, dịch vụ, khoa học và công nghệ;

- Có chính sách riêng trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư vào địa bàn huyện Vĩnh Cửu như: vốn trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, hình thức tín dụng, đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng, sử dụng quỹ đất để tạo vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thông qua cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, xây dựng quan hệ đối tác với các nhà đầu tư tiềm năng như các tập đoàn kinh tế trong nước và nước ngoài. Phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh xây dựng các đề án huy động các nguồn vốn đầu tư từ thị trường tài chính trong nước, quốc tế, nguồn vốn ODA, FDI, vốn tín dụng phát triển của Nhà nước cho xây dựng hạ tầng, bảo vệ môi trường, phát triển nguồn nhân lực;

- Xây dựng kế hoạch về vốn đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là phát triển kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, bưu chính, viễn thông; ưu tiên phát triển các lĩnh vực: văn hóa, y tế, giáo dục,...

4.4. Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đã được UBND tỉnh ban hành, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật. Rà soát, tổng hợp và đề xuất với cơ quan cấp tỉnh về những bất cập trong cơ chế, chính sách áp dụng trên địa bàn huyện;

- Ưu tiên thực hiện các dự án tái định cư, để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Có kế hoạch hỗ trợ về kinh phí, tư vấn và đào tạo nghề cho các đối tượng có đất bị thu hồi, để giúp người dân chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu lao động trong các khu công nghiệp và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh;

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề đối với người sử dụng đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất bị thu hồi, đặc biệt đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp thu hồi với diện tích lớn, phải chuyển đổi ngành nghề.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Cửu được thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Đồng thời thực hiện chỉ đạo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 tỉnh Đồng Nai (lần 1) và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện.

Theo đó, UBND huyện bổ sung 37 dự án, với diện tích 354,53 ha vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện. Như vậy, tổng số dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện là 122 dự án với tổng diện tích 1.014,37 ha.

II. KIẾN NGHỊ

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện được phê duyệt là cơ sở quan trọng để huyện Vĩnh Cửu kịp thời triển khai thực hiện các công trình, dự án nhằm đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện. Vì vậy, UBND huyện có một số kiến nghị như sau:

1. UBND tỉnh sớm phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 để UBND huyện có căn cứ thực hiện hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Chỉ đạo các Sở ngành tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách của tỉnh, các chủ đầu tư được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất để kịp thời thực hiện và xử lý nghiêm đối với những trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng đất sai mục đích hoặc sử dụng đất không hiệu quả./.

DANH MỤC BIỂU SỐ LIỆU

Biểu	Tên biểu
Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 huyện Vĩnh Cửu
Biểu 02A/CH	Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Cửu
Biểu 02B/CH	Kết quả thực hiện các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Cửu
Biểu 03/CH	Chỉ tiêu bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vĩnh Cửu
Biểu 04A/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất hiện trạng của huyện Vĩnh Cửu
Biểu 04B/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của huyện Vĩnh Cửu
Biểu 04C/CH	Danh mục dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng bổ sung trong năm 2023 huyện Vĩnh Cửu
Biểu 04D/CH	Danh sách chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân năm 2023 (lần 2)
Biểu 05A/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 của huyện Vĩnh Cửu
Biểu 05B/CH	Danh mục bổ sung các dự án, công trình thu hồi đất năm 2023 huyện Vĩnh Cửu
Biểu 06/CH	Danh mục dự án, công trình bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vĩnh Cửu
Biểu 07/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Cửu